**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN ĐỊNH QUÁN**
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-05-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Tuấn**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà **Nguyễn Thị Liệu**
2. Ông **Phạm Tuấn Anh**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Quách Kim Lân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 481/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Tuấn D** - sinh năm 1992.
Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
*2. Bị đơn:* Chị **Lê Thị Thúy N** - sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(Anh D có mặt; chị N vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2017; bản tự khai ngày 21/12/2017 và 12/03/2018; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và biên bản hòa giải ngày 12/03/2018 và ngày 28/03/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Tuấn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống như vợ chồng trước khi kết hôn vào năm 2012 và đến năm 2013 anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 18/09/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm gia đình ngày càng lạnh nhạt. Nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc,

tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên là Nguyễn Lê N sinh ngày 18/09/2012 và Nguyễn Lê Thảo N sinh ngày 04/02/2014. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Thúy N: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị N vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của chị N.

*Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến*: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

1) Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn D. Cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị Thúy N.

2) Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Lê N sinh ngày 18/09/2012 và Nguyễn Lê Thảo N sinh ngày 04/02/2014 cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời miễn cho chị N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3) Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

4) Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Lê Thị Thúy N hiện cư trú tại ấp M, xã H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh D yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị N nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Nguyễn Tuấn D là nguyên đơn; chị Lê Thị Thúy N là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Thúy N nhưng chị N vắng mặt mà không có lý do chính đáng vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 23/02/2018 cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh D và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/09/2013. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống; anh D và chị N hiện sống ly thân với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định "*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*". Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh D, chị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh D yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị N. Theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Anh D và chị N có 02 con chung tên là Nguyễn Lê N sinh ngày 18/09/2012 và Nguyễn Lê Thảo N sinh ngày 04/02/2014. Qua việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương các biên bản xác minh ngày 23/02/2018, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu Thảo N và cháu Lê N được anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh D hiện nay đang buôn bán hàng tạp hóa, có thu nhập ổn định; xét thấy việc giao cháu Lê N và cháu Thảo N cho anh D nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định về các tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung Nguyễn Lê N và Nguyễn Lê Thảo N cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho chị N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

*1) Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tuấn D. Anh Nguyễn Tuấn D được ly hôn với chị Lê Thị Thúy N.

*2) Về con chung:* Giao 02 con chung tên là Nguyễn Lê N sinh ngày 18/09/2012 và Nguyễn Lê Thảo N sinh ngày 04/02/2014 cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn. Tạm thời miễn cho chị N nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*3) Về tài sản chung và nợ chung:* Tòa án không xem xét, không giải quyết.

*4) Về án phí*: Anh Nguyễn Tuấn D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai số 004558 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Anh D đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Tuấn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Lê Thị Thúy N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Văn Tuấn**